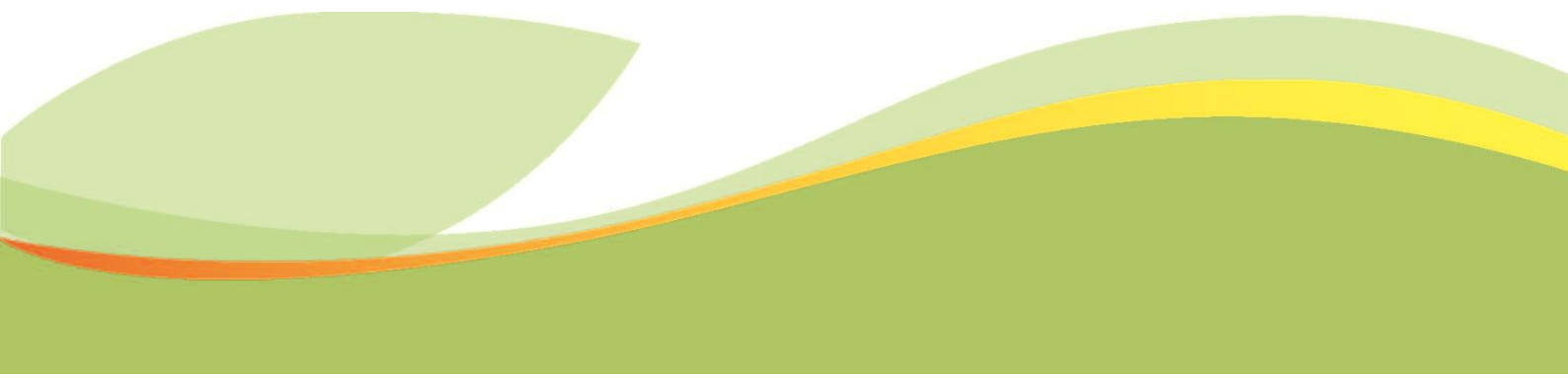




Published by
giz Deutsche Gesellschaft
für Internationale
Zusammenarbeit (GIZ) GmbH



Đề cương chi tiết nội dung đầu tư rừng đặc dụng, rừng phòng hộ



Ấn phẩm

Được xuất bản bởi

Deutsche Gesellschaft für Internationale Zusammenarbeit (GIZ) GmbH

Văn phòng đăng ký

Bonn và Eschborn, Đức

Chương trình Bảo tồn, sử dụng bền vững đa dạng sinh học và các dịch vụ hệ sinh thái rừng tại Việt Nam.

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Những nội dung, diễn giải, các kết quả phân tích, và các khuyến nghị trong cuốn sách này dựa trên những thông tin thu thập bởi GIZ, tư vấn, đối tác của GIZ và những người cung cấp tin và dữ liệu, và không nhất thiết phải đại diện cho quan điểm của GIZ hay BMZ.

GIZ và BMZ từ chối chịu trách nhiệm pháp lý đối với việc sử dụng tài liệu này và các thông tin được cung cấp trong tài liệu bởi các cá nhân và tổ chức khác, cũng như bất kỳ tổn thất nào là kết quả của hành động đó.

Thay mặt cho

Bộ Hợp tác và Phát triển Kinh tế Liên bang Đức (BMZ)

Điều Nguyên tắc xây dựng cơ chế, chính sách trong lâm nghiệp

- Nhà nước bảo đảm đầu tư cho hoạt động quản lý, bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước trong kế hoạch tài chính.

- Các nội dung đầu tư cơ sở hạ tầng, mua sắm trang thiết bị thực hiện theo luật đầu tư công trên cơ sở kinh tế kỹ thuật, thiết kế, dự toán Dự án được duyệt

.....

Điều Bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ;

1. Đối tượng thực hiện:

- Chủ rừng là tổ chức được Nhà nước giao rừng đặc dụng, rừng phòng hộ;
- Ủy ban nhân dân cấp xã đang quản lý diện tích rừng chưa giao, chưa cho thuê.
- Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư được Nhà nước giao rừng phòng hộ.
- Chủ rừng là cộng đồng dân cư được Nhà nước giao rừng đặc dụng.

2. Mức kinh phí bảo vệ rừng

a) Kinh phí cho Ban quản lý rừng khoảng 150.000 đ/ha/năm ngoài quỹ tiền lương

Lý do:

- Hiện đang áp dụng theo Khoản 2 Điều 7 QĐ 24/2012/QĐ-TTg; Khoản 2 Điều 2 TSLT 100/2013/TSLT-BTC-BNN với mức trung bình 100.000 đồng/ha/năm và chỉ áp dụng cho rừng đặc dụng, sau gần 10 năm thực hiện phải tăng lên để phù hợp với đơn giá hiện tại.

- Bổ sung thêm đối tượng là rừng phòng hộ vì công tác bảo vệ rừng phòng hộ thậm chí còn phức tạp hơn rừng đặc dụng .

Nội dung chi gồm :

- Thuê, khoán, hợp đồng bảo vệ rừng đối với cộng đồng dân cư vùng đệm; thuê người bảo vệ rừng ở vùng giáp ranh. Ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ xác định diện tích rừng cần bảo vệ;

- Mua sắm, sửa chữa trang thiết bị phục vụ quản lý bảo vệ rừng gồm: trang thiết bị dự báo, cảnh báo cháy, trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy rừng và các công trình, trang thiết bị khác phục vụ quản lý bảo vệ rừng;

- Hỗ trợ các lực lượng tham gia truy quét bảo vệ rừng; hỗ trợ đào tạo nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ rừng; tuyên truyền giáo dục pháp luật đối với cộng đồng;

- Hỗ trợ chi phí quản lý phát triển cộng đồng vùng đệm, gồm: chi phí đi lại hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, thôn, bản;

- Chi khác (nếu có).

b) Kinh phí khoán quản lý bảo vệ rừng khoảng 500.000đ /ha/năm và hệ số khó khăn là 120% so với mức chung cho những vùng có tính chất khó khăn phức tạp (tương đương 600.000đ/ha)

Lý do:

Hiện đang áp dụng Điều 87 QĐ 24/2012/QĐ-TTg quy định là 300.000 đ/ha/năm, sau gần 10 năm thực hiện phải tăng lên để phù hợp với đơn giá hiện tại.

3. Điều kiện áp dụng

- Nằm trong hạn mức 30ha/hộ nhận khoán

4. Trình tự thực hiện (nên quy định thành các điều riêng) bao gồm các ý chính sau:

4.1. Trình tự cấp kinh phí quản lý bảo vệ rừng đặc dụng, phòng hộ cho ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ.

- Bộ NN&PTNT/UBND Tỉnh phân bổ hàng năm cho các ban quản lý

- Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao Ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ lập phương án phân bổ kinh phí cho từng nội dung chi báo cáo Bộ NN&PTNT hoặc UBND Tỉnh xem xét phê duyệt.

4.2. Trình tự cấp, thanh toán kinh phí khoán bảo vệ rừng

a) Đối với ban quản lý rừng đặc dụng, ban quản lý rừng phòng hộ:

- Chủ rừng Lập, phê duyệt kinh phí khoán bảo vệ rừng đặc dụng, phòng hộ.

- Đối tượng nhận khoán là Hộ gia đình; Cộng đồng dân cư .

- Phương thức khoán bảo vệ rừng: thực hiện thông qua hợp đồng khoán bảo vệ rừng hằng năm.

- Nghiệm thu: theo hướng dẫn tại Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã được giao quản lý rừng chưa giao, chưa cho thuê thực hiện khoán bảo vệ rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư

- Lập kế hoạch và dự toán kinh phí khoán bảo vệ rừng

- Phương thức khoán bảo vệ rừng: thực hiện thông qua hợp đồng khoán bảo vệ rừng hằng năm.

- Nghiệm thu: theo hướng dẫn tại Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều Hỗ trợ phòng cháy và chữa cháy rừng

1. Đối tượng

- Ban quản lý, công ty, UBND cấp xã, kiểm lâm

2. Nội dung và mức hỗ trợ

- Chi cho trực phòng cháy rừng và làm thêm giờ ngoài giờ làm việc phục vụ công tác phòng cháy và chữa cháy rừng theo luật lao động

- Chi tiền ăn thêm đối với các lực lượng và những người tham gia chữa cháy rừng.

- Chi bồi dưỡng cho người tham gia chữa cháy rừng không hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

- Chi cho việc mua nhiên liệu (xăng, dầu), sửa chữa, bồi thường thiệt hại khi phương tiện, thiết bị được huy động, thuê để chữa cháy rừng.

- Người tham gia chữa cháy rừng, nếu bị tai nạn được thanh toán tiền khám, chữa bệnh theo chế độ hiện hành.

- Các hoạt động thường xuyên của tổ, đội quân chúng bảo vệ rừng; tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ rừng; hợp đồng lao động bảo vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng đối với diện tích rừng do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

Điều Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên rừng đặc dụng, rừng phòng hộ

1. Đối tượng thực hiện

- Cây tái sinh chưa đạt tiêu chí thành rừng

2. Định mức khoanh nuôi

- Nâng khoán khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên rừng đặc dụng, rừng phòng hộ lên 1.000.000 đồng/ha/năm (Hiện đang áp dụng theo Khoản 4 Điều 6 QĐ 38/2016/QĐTTg là 500.000đ/ha/năm; hoặc Khoản 2 Điều 4 NĐ 119/2016/NĐ-CP là 800.000đ/ha/năm)

Lý do:

Nâng mức lên do mức kinh phí đang thực hiện là không phù hợp với thực tế hiện nay và công sức bỏ ra cho công tác khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên phải gấp 2 lần định mức khoán quản lý bảo vệ rừng.

3. Trình tự thực hiện

Theo hướng dẫn tại Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Điều Trồng rừng, làm giàu rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung rừng đặc dụng, rừng phòng hộ

1. Đối tượng thực hiện

- Đất lâm nghiệp chưa có rừng, chưa đạt tiêu chí thành rừng

2. Định mức thực hiện

- Theo định mức kinh tế kỹ thuật, thiết kế, dự toán công trình lâm sinh được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (không quy định cụ thể vì đây là nguồn vốn đầu tư thực hiện theo Luật Đầu tư công trên cơ sở kinh tế kỹ thuật, thiết kế, dự toán Dự án được duyệt).

3. Trình tự thực hiện

Theo hướng dẫn tại Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều Phát triển sinh kế, cải thiện đời sống người dân vùng đệm của các khu rừng đặc dụng

1. Đối tượng

Cộng đồng dân cư sống ở vùng đệm của khu rừng đặc dụng

2. Định mức hỗ trợ

Hỗ trợ 50.000.000 đồng/năm

Lý do

Hiện đang áp dụng Điều 87 QĐ 24/2012/QĐ-TTg quy định là 40.000.000 đồng/năm, sau gần 10 năm thực hiện phải tăng lên để phù hợp với đơn giá hiện tại.

3. Nội dung hỗ trợ

a) Hỗ trợ hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, hỗ trợ giống cây, giống con; hỗ trợ thiết bị chế biến nông lâm sản quy mô nhỏ;

b) Hỗ trợ vật liệu xây dựng cho các công trình công cộng của cộng đồng thôn, bản như công trình nước sạch, điện chiếu sáng, thông tin liên lạc, đường giao thông thôn bản, nhà văn hóa và các công trình khác.

4. Điều kiện được hỗ trợ

- Có kế hoạch, dự toán được duyệt;
- Có cam kết bảo vệ rừng và không xảy ra vi phạm công tác quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn.

5. Trình tự thực hiện

- Lập kế hoạch, dự toán và phê duyệt kinh phí hỗ trợ
- Thực hiện hỗ trợ
- Nghiệm thu, giám sát thực hiện
- Quản lý chứng từ kế toán
- Giải ngân, thanh toán và kiểm soát chi của Kho bạc nhà nước

Việc lập dự toán, thanh toán và quyết toán kinh phí (sự nghiệp) thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước

STT	Đề xuất	Dự thảo nghị định	Lý do
1	<p>Điều Nguyên tắc xây dựng cơ chế, chính sách trong lâm nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà nước bảo đảm đầu tư cho hoạt động quản lý, bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước trong kế hoạch tài chính. - Các nội dung đầu tư cơ sở hạ tầng, mua sắm trang thiết bị thực hiện theo luật đầu tư công trên cơ sở kinh tế kỹ thuật, thiết kế, dự toán Dự án được duyệt 	<p>Có</p> <p>Bỏ</p>	<p>Không cần thiết vì đã phải thực hiện theo Luật đầu tư công</p>
	<p>Điều Bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ;</p> <p>2. Đối tượng thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ rừng là tổ chức được Nhà nước giao rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; - Ủy ban nhân dân cấp xã đang quản lý diện tích rừng chưa giao, chưa cho thuê. - Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư được Nhà nước giao rừng phòng hộ. - Chủ rừng là cộng đồng dân cư được Nhà nước giao rừng đặc dụng. <p>2. Mức kinh phí bảo vệ rừng</p>	<p>Có</p> <p>(bổ sung thêm đối tượng rừng sản xuất là rừng tự nhiên)</p> <p>Điều.... Bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; rừng sản xuất là rừng tự nhiên</p>	<p>Vì rừng tự nhiên là hệ sinh thái quan trọng, được nhà nước là đại diện chủ sở hữu và có trách nhiệm quản lý, đầu tư...</p>

<p>a) Kinh phí cho Ban quản lý rừng khoảng 150.000 đ/ha/năm ngoài quỹ tiền lương</p> <p><i>Nội dung chi gồm :</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuê, khoán, hợp đồng bảo vệ rừng đối với cộng đồng dân cư vùng đệm; thuê người bảo vệ rừng ở vùng giáp ranh. Ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ xác định diện tích rừng cần bảo vệ; - Mua sắm, sửa chữa trang thiết bị phục vụ quản lý bảo vệ rừng gồm: trang thiết bị dự báo, cảnh báo cháy, trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy rừng và các công trình, trang thiết bị khác phục vụ quản lý bảo vệ rừng; - Hỗ trợ các lực lượng tham gia truy quét bảo vệ rừng; hỗ trợ đào tạo nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ rừng; tuyên truyền giáo dục pháp luật đối với cộng đồng; - Hỗ trợ chi phí quản lý phát triển cộng đồng vùng đệm, gồm: chi phí đi lại hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, họp với Ủy ban nhân dân cấp xã, thôn, bản; - Chi khác (nếu có). <p>b) Kinh phí khoán quản lý bảo vệ rừng khoảng 500.000đ /ha/năm và hệ số khó khăn là 120% so với mức chung cho những vùng có tính chất khó khăn phức tạp (tương đương 600.000đ/ha)</p> <p>3. Điều kiện áp dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nằm trong hạn mức 30ha/hộ nhận khoán <p>4. Trình tự thực hiện (nên quy định thành các điều riêng) bao gồm các ý chính sau:</p>	<p>Có</p> <p>Có</p> <p>Có</p> <p>Có</p> <p>Có</p> <p>Có</p> <p>Có</p>	
---	---	--

<p>4.1. Trình tự cấp kinh phí quản lý bảo vệ rừng đặc dụng, phòng hộ cho ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ NN&PTNT/UBND Tỉnh phân bổ hàng năm cho các ban quản lý - Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao Ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ lập phương án phân bổ kinh phí cho từng nội dung chi báo cáo Bộ NN&PTNT hoặc UBND Tỉnh xem xét phê duyệt. <p>4.2. Trình tự cấp, thanh toán kinh phí khoán bảo vệ rừng</p> <p>a) Đối với ban quản lý rừng đặc dụng, ban quản lý rừng phòng hộ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ rừng Lập, phê duyệt kinh phí khoán bảo vệ rừng đặc dụng, phòng hộ. - Đối tượng nhận khoán là Hộ gia đình; Cộng đồng dân cư. - Phương thức khoán bảo vệ rừng: thực hiện thông qua hợp đồng khoán bảo vệ rừng hằng năm. - Nghiệm thu: theo hướng dẫn tại Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. <p>b) Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã được giao quản lý rừng chưa giao, chưa cho thuê thực hiện khoán bảo vệ rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lập kế hoạch và dự toán kinh phí khoán bảo vệ rừng - Phương thức khoán bảo vệ rừng: thực hiện thông qua hợp đồng khoán bảo vệ rừng hằng năm. - Nghiệm thu: theo hướng dẫn tại Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 	<p>Có (tách thành 2 điều riêng)</p> <p>Có (tách thành 1 điều riêng: <i>Điều.... Trình tự, thủ tục cấp kinh phí quản lý bảo vệ rừng đặc dụng, phòng hộ cho ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ</i>)</p> <p>Có (tách thành 1 điều riêng <i>: Điều.... Trình tự, thủ tục cấp, thanh toán kinh phí khoán bảo vệ rừng</i>)</p>	<p>Tách riêng cho dễ thực hiện</p> <p>Tách riêng cho dễ thực hiện</p>
---	---	---

3	<p>Điều Hỗ trợ phòng cháy và chữa cháy rừng</p> <p>1. Đối tượng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ban quản lý, công ty, UBND cấp xã, kiểm lâm <p>2. Nội dung và mức hỗ trợ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi cho trực phòng cháy rừng và làm thêm giờ ngoài giờ làm việc phục vụ công tác phòng cháy và chữa cháy rừng theo luật lao động - Chi tiền ăn thêm đối với các lực lượng và những người tham gia chữa cháy rừng. - Chi bồi dưỡng cho người tham gia chữa cháy rừng không hưởng lương từ ngân sách nhà nước. - Chi cho việc mua nhiên liệu (xăng, dầu), sửa chữa, bồi thường thiệt hại khi phương tiện, thiết bị được huy động, thuê để chữa cháy rừng. - Người tham gia chữa cháy rừng, nếu bị tai nạn được thanh toán tiền khám, chữa bệnh theo chế độ hiện hành. - Các hoạt động thường xuyên của tổ, đội quần chúng bảo vệ rừng; tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ rừng; hợp đồng lao động bảo vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng đối với diện tích rừng do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý. 	<p>Có</p> <p>Có</p>	<p>Áp dụng chung cho mọi loại rừng</p>
	<p>Điều Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên rừng đặc dụng, rừng phòng hộ</p> <p>1. Đối tượng thực hiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cây tái sinh chưa đạt tiêu chí thành rừng 	<p>Có</p>	

	<p>2. Định mức khoanh nuôi</p> <p>- Nâng khoán khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên rừng đặc dụng, rừng phòng hộ lên 1.000.000 đồng/ha/năm (Hiện đang áp dụng theo Khoản 4 Điều 6 QĐ 38/2016/QĐTTg là 500.000đ/ha/năm; hoặc Khoản 2 Điều 4 NĐ 119/2016/NĐ-CP là 800.000đ/ha/năm)</p> <p>3. Trình tự thực hiện</p> <p>Theo hướng dẫn tại Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</p>	<p>Có</p> <p>Có</p>	
	<p>Điều Trồng rừng, làm giàu rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung rừng đặc dụng, rừng phòng hộ</p> <p>1. Đối tượng thực hiện</p> <p>- Đất lâm nghiệp chưa có rừng, chưa đạt tiêu chí thành rừng</p> <p>2. Định mức thực hiện</p> <p>- Theo định mức kinh tế kỹ thuật, thiết kế, dự toán công trình lâm sinh được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (không quy định cụ thể vì đây là nguồn vốn đầu tư thực hiện theo Luật Đầu tư công trên cơ sở kinh tế kỹ thuật, thiết kế, dự toán Dự án được duyệt).</p> <p>3. Trình tự thực hiện</p> <p>Theo hướng dẫn tại Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>	<p>Có</p>	

	<p>Điều Phát triển sinh kế, cải thiện đời sống người dân vùng đệm của các khu rừng đặc dụng</p> <p>1. Đối tượng</p> <p>Cộng đồng dân cư sống ở vùng đệm của khu rừng đặc dụng</p> <p>2. Định mức hỗ trợ</p> <p>Hỗ trợ 50.000.000 đồng/năm</p> <p><i>Lý do</i></p> <p>Hiện đang áp dụng Điều 87 QĐ 24/2012/QĐ-TTg quy định là 40.000.000 đồng/năm, sau gần 10 năm thực hiện phải tăng lên để phù hợp với đơn giá hiện tại.</p> <p>3. Nội dung hỗ trợ</p> <p>a) Hỗ trợ hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, hỗ trợ giống cây, giống con; hỗ trợ thiết bị chế biến nông lâm sản quy mô nhỏ;</p> <p>b) Hỗ trợ vật liệu xây dựng cho các công trình công cộng của cộng đồng thôn, bản như công trình nước sạch, điện chiếu sáng, thông tin liên lạc, đường giao thông thôn bản, nhà văn hóa và các công trình khác.</p> <p>4. Điều kiện được hỗ trợ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kế hoạch, dự toán được duyệt; - Có cam kết bảo vệ rừng và không xảy ra vi phạm công tác quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn. <p>5. Trình tự thực hiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lập kế hoạch, dự toán và phê duyệt kinh phí hỗ trợ - Thực hiện hỗ trợ 	Có	
--	---	----	--

	<ul style="list-style-type: none">- Nghiệm thu, giám sát thực hiện- Quản lý chứng từ kế toán- Giải ngân, thanh toán và kiểm soát chi của Kho bạc nhà nước <p>Việc lập dự toán, thanh toán và quyết toán kinh phí (sự nghiệp) thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước</p>		
--	--	--	--

Programme on Conservation, Sustainable Use of
Forest Biodiversity and Ecosystem Services in Viet Nam

Unit 021, 2nd Floor, Coco Building
14 Thuy Khue Str., Tay Ho District, Hanoi, Viet Nam

T: +84 24 39 32 95 72

E: office.biodiversity@giz.de

I: www.giz.de/viet-nam

<https://snrd-asia.org/conservation-and-sustainable-use-of-biodiversity-and-ecosystem-services-of-forests-in-vietnam/>

